

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO

QUYỂN 23

Phẩm 2: NHƯ LAI HIỆN TƯỚNG

(Bắt đầu phần hai: Chánh Tông, từ quyển 6 -11. Cũng là phần hai trong ba phần lớn của Hội thứ nhất: Nói về nghi thức thuyết pháp)

- Số: “Trong bốn phần đã biện minh phần Giáo khởi nhân-duyên.”: Bốn phần tức là các phần như: “Cử quả khuyến lạc sinh tín.” Dùng bốn phần để nhận định toàn bộ. (Phần nêu rõ về quả, khuyến khích ưa thích phát sinh tin tưởng). Sáu phẩm của Hội này được phân làm ba:

Phẩm thứ nhất: biện minh về Giáo khởi nhân-duyên (Nhân-duyên khởi giáo).

Hai phẩm tiếp theo (Phẩm 2,3) nêu rõ về Nghi thức thuyết pháp.

Ba Phẩm sau (4,5,6) là phần chính thức nêu bày về biện pháp. Phần thứ nhất (Giáo khởi nhân-duyên đã bàn xong). Tiếp đến là phần “Nghi thức thuyết pháp”, gồm hai phẩm hai và ba. Đây thuộc về phần thứ nhất trong bốn phần nhận định toàn bộ. Còn trong ba phần (Tự, Chánh Tông, Lưu thông) thì đây là đoạn mở đầu cho phần hai (chánh tông). Nêu rõ về sự nhận xét mang tính bao quát, rộng lớn, nên gọi là “trong bốn phần”, đối với ba phần Tự, Chánh Tông và Lưu Thông nêu trước.

- Số câu:” Do tùy theo nhiều mà nêu bày”: Đây là nhằm thông tỏ chỗ vướng mắc do vấn nạn. Có hai vướng mắc:

- Một: Trong khoa “Dùng văn theo nghĩa” thì gọi là “Sở tín nhân quả”. Nơi kinh lại có Phẩm Tỳ Nô Giá Na. Vậy nhân nơi cái gì để trong khoa “Hỏi đáp cùng liên hệ” chỉ gọi “cử quả khuyến lạc sinh tín phần”? Còn trong khoa “Thuận theo Hội gốc của kinh” thì chỉ nói là “Thuyết Phật y quả hội”? Ở đây cần giải đáp:” Do nhiều nên nói về Quả, vì nhân ít. Như con sông ít nước thì cũng gọi là sông không nước. Như sữa

có nước nhưng chỉ gọi là Sữa. “Khuyến khích các đối-tượng vui thích tin tưởng” nên nêu rõ về Quả.

- Hai: Ở trên đã nói, nêu rõ hai quả nơi y báo chánh báo của Phật “Khuyến khích muôn vật yêu thích tin tưởng” thì cứ sao tùy thuộc ở Hội? Chỉ nói về Hội của quả theo y báo nơi Phật chăng? Do vậy cần được giải đáp: Hầu hết đều nói về quả của y báo ít nói đến chánh báo quả của chánh báo thì từ Hội thứ hai trở đi mới bắt đầu nói. Và cũng lấy ý chính (gốc) ở quả của Y báo

- Số từ câu: “Hai là nói về tên của Phẩm” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải phân làm ba:

Một: Biện minh tổng quát.

Hai:” Từ câu “Nhưng Như-Lai hiện tướng đều có năm nghĩa” tiếp xuống: Là giải-thích riêng.

Ba: Từ câu:” Các tướng như thế v.v” tiếp xuống: Là tổng kết.

Trong phần hai thì thứ nhất là giải-thích về Như-Lai, thứ hai là giải-thích về hiện tướng.

- Số câu: “Kinh Niết-Bàn quyển thứ ba mươi hai cùng đồng với thuyết này”: Tức là Kinh đại Bát Niết-bàn thuộc Bắc bản, nói về trường hợp thân hữu của ông Trưởng giả giàu có, muôn con nơi thành Chiêm-Bà (cha của bé Thọ-đê-già). Người bạn thân ấy đã tán dương về công đức của Phật, lại hỏi Phật:” Thế nào là Như-Lai? “Phật đáp:” Như-Lai, Thế Tôn, đối với tất cả các pháp, sự nhận thức không bị ngăn ngại, gọi là Phật. Lời nói ra là không hai nên gọi là Như-Lai. Đoạn trừ các thứ phiền não nên gọi là A-la-hán. Nhưng giảng nói của Thế Tôn rất cuộc không hề có hai”.

Giải thích: Không hai tức là không hư vọng.

- Số câu:” Luận Chuyển Pháp Luân nói: Đệ-nhất-nghĩa-đế gọi là Như. Chánh giác gọi là Lai”: Tức là luận ấy, quyển thứ hai.

- Số câu: “Đây cùng với Luận Thành Thật đại thể là giống nhau” Luận Thành Thật nói: “Nương nơi đạo như thật đi tới thành tựu chánh giác, nên gọi là Như-Lai.” “Nương nơi đạo như thật” tức là Đệ nhất nghĩa. “Lai thành Chánh giác”, tức “Chánh giác gọi là Lai.” Do đạo như thật cũng chung cho muôn hạnh, nên nói là “đại thể thì giống nhau”.

- Số câu: “Hoặc Lý, hoặc Trí, hoặc chia hoặc hợp”: Hoặc Lý tức là cách giải-thích thứ nhất. Hoặc Trí là cách giải-thích thứ hai. Hoặc chia tức cùng biện minh cả hai về hai cách giải-thích nêu trước. Hoặc hợp là cách giải-thích thứ ba. Cách giải-thích thứ tư về nghĩa thì thông

hợp cả Lý, Trí, cũng gồm luôn cả chia, hợp. Tức là như Kinh Đại Phẩm nói:” Chư pháp Như tức là Phật. Chư pháp Như thì không đến không đi.” Đây tức chỉ căn cứ nơi Lý mà nói. Hai là tâm không dao động. Trí dứt tuyệt mọi nẻo chân vọng. Tức căn cứ nơi Trí mà nói không đến không đi. Ba là, hoặc tâm không đến không đi mới khế hợp với Thể Như như chẳng đi chẳng đến, tức hợp chung mà nói. Chỉ nhận xét về tính chất lia tướng để giải-thích, thì do lia tất cả tướng nên gọi là chư Phật.

- Sớ từ câu:” Năm nghĩa của Hiện tướng” tiếp xuống: Là phần hai, giải-thích về Hiện tướng.

Nơi năm nghĩa này, mỗi nghĩa đều gồm hai câu: Một câu biện giải về Tướng, một câu biện giải về ý. Như nghĩa thứ nhất nói: “Hiện bày tướng hào quang nơi “diện môn” (mặt và một số bộ phận nơi mặt) là biện giải về tướng. “Triệu tập chúng hội khắp mười phương” tức làm sáng tỏ nguyên do (biện giải về ý). Bốn nghĩa tiếp theo đều như thế.

- Sớ câu:” Tức do quả Phật là vô biên biển cõi, gồm đủ ba thứ thế gian, tự tại vô tận”: Nơi Phẩm Hoa Tạng hầu như có nói về biên vực, vì có núi Kim Cương Luân, có cõi Liên Hoa. Ngoài ra lại có biển cõi riêng. Nhưng văn nơi Phẩm ấy có đoạn :” Pháp giới không sai biệt, đã vậy nên là vô biên.” Huống chi nơi Phẩm Thế giới thành tựu nói:

*“Biển cõi mười phương đâu nghĩ bàn
Phật vô lượng kiếp đều nghiêm tịnh
Vĩ độ chúng-sanh khiến thành thực
Hiện nơi tất cả các quốc độ.”*

Lại nữa, phần kệ có đoạn:

*“Chỗ nói vô biên các biển cõi
Tỳ Lô giá na thấy nghiêm tịnh
Cảnh giới Thế Tôn chẳng nghĩ bàn
Trí tuệ, lực thần thông như vậy.”*

Tức là cõi vô biên.

Nói: “Gồm đủ ba thứ thế gian”: Tức “vô biên biển cõi” là khí thế-gian. “Tỳ Lô giá na ứng hiện khắp” tức thế-gian của bậc Trí chánh giác. Chỗ nắm giữ giềng mối nơi các cõi, là đối-tượng hóa độ của đức Như-Lai, tức là thế-gian của chúng-sanh.

Nói:” Tự tại vô tận”: Tức ba thứ thế-gian ấy cùng tương tức, tương nhập, Ẩn giấu, hiển bày tầng tầng lớp lớp đều không chướng ngại.

Cho nên phần kệ nơi thế giới Hoa Tạng có nói:

“Mọi cõi nơi thế giới Hoa Tạng

*Trong mỗi mỗi cõi thấy Pháp giới
Bảo quang hiện Phật như mây hợp
Đấy là cõi Như-Lai tự tại.”*

Nên nghĩa về vô tận tức là vô biên. Huống chi ba thứ thế-gian đều xứng hợp với tánh, do đấy là vô tận.

- Sở câu: “Hội thứ nhất nêu rõ về Quả, làm phát khởi nhân”: “Cử quả” tức là “nêu rõ về Quả”. “Khuyến khích ưa thích để phát sinh tin tưởng” tức là “làm phát khởi nhân”.

- Sở câu: “Hội thứ hai v.v... lần lượt tu nhân”: Tức là tìm Nhân khế hợp với Quả, tức là đạt đến Quả.

- Sở câu: “Quả không sai biệt, tức hội thứ bảy là hội chính thức giữ phần giải đáp”: chữ đương (đương Hội) có hai nghĩa:

- Một: Đối chiếu với sáu Hội trước chẳng giống nhau. Nay chỉ trong một hội thứ bảy là giải đáp. Do sáu phẩm trước nơi hội thứ bảy (Hội này có mười một Phẩm) là nhân. Cho nên không nói là một Hội nào đấy giải đáp.

- Hai: Không đối chiếu với sáu Hội trước, chỉ trong Hội thứ bảy, sáu Phẩm đều là nhân tràn đầy, năm Phẩm sau là Quả viên mãn, cùng với nhân đồng Hội nên gọi là “đương Hội”.

Trong chỗ này tức có vấn nạn: “Nếu Quả không sai biệt sao không có riêng một Hội nào đấy để giải đáp”? Nên ở đây được giải đáp: Muốn hiển bày về Nhân tràn đầy liền được Quả viên mãn, do đấy phải có Hội chính giữ việc giải đáp. Nếu lại có Hội riêng nào đó, tức chẳng cùng thâm tóm vào nhân tràn đầy. Cho nên sáu Phẩm trước của Hội thứ bảy, so với trước là Nhân, so với sau là Quả.

- Sở từ câu: “Tuy nhiên, các Hội lại có nghi vấn” tiếp xuống: Là phần thông tỏ chỗ vướng mắc. Vì có người nêu vấn nạn: Trong chín Hội của Kinh đều có hỏi đáp, sao cho là chỉ có bốn Hội? Như trong Hội thứ hai, mười vị Bồ tát tên Thử cùng hỏi. Trong Hội thứ ba, Thiên tử Chánh Niệm cùng Thiên Đế Thích đều hỏi Bồ tát Pháp Tuệ. Nơi Hội thứ tư, Bồ tát Tinh Tấn Lâm hỏi, Bồ tát Công Đức Lâm đáp. Hội thứ sáu Giải thoát Nguyên hỏi, Kim Cương Tạng đáp. Hội thứ bảy Đại chúng niệm hỏi công đức của Như lai. Há các Hội ấy chẳng là hỏi đáp sao? Chỉ có trong Hội thứ năm là không có hỏi đáp riêng. Vậy sao có thể riêng cho là chỉ có bốn Hội có hỏi?” Ở đây cần được giải đáp: “Đều là nghĩa riêng của đương Hội.”

Nói: “Dùng cái chung thâm tóm cái riêng”: Tức như Hội thứ hai hỏi thì chỉ phần mười Tín thâm tóm. Hội thứ ba hỏi thì nơi mười trụ thâm

tóm. Hội thứ tư hỏi là chỗ thâu tóm của thập Hạnh, mười Tạng. Cho nên gọi là “dùng cái chung để thâu tóm.”

* Nói: “Hoặc trở lại làm rõ phần đã nêu trước”: Như mười câu hỏi nơi Phẩm Bất Tư Nghi Pháp, chỉ là nêu rõ trở lại mười câu hỏi nơi phần đầu và phần sau của Hội thứ hai. Nghĩa là đã đáp về Nhân xong, giờ thì nhằm giải đáp về Quả. Do Nhân, Quả cách biệt, nên ở nơi Quả, đã nói trước, một lần nữa lại nhớ nghĩ để thưa thỉnh, cũng là biểu thị cho đức của Quả là đối-tượng được chú trọng.

- Số câu: “Hội thứ tám nêu rõ Nhân Quả thuần thực”: Tức như Hội thứ nhất đã tin tưởng bảy Hội tiếp theo đã lãnh hội, lý giải, nên Hội này gọi là “thuần thực”.

- Số từ câu: “Tu tập, hành hóa không ngăn ngại” tiếp xuống: Là làm rõ lý do giải đáp của “đương Hội”. Do hai nghĩa nên “đương Hội” giải đáp:

Một: Tu tập, hành hóa không ngăn ngại. Nghĩa là chọn lấy các pháp tu hành của sáu quả vị trước là thông suốt chung cho các quả vị tu tập không tùy thuộc giới hạn của từng quả vị. Cho nên gọi là “không ngăn ngại”. Đã không còn tên gọi của quả vị thì không có hơn kém, nên “đương Hội” giải đáp. Hai: sáu quả vị tức thì thành tựu, như thế là có quả vị, trong một lúc thành tựu tức thì, khác với chỗ “căn cứ với sự lãnh hội” (Giải) do nhân quả sai biệt, mà một Hội giải đáp, nên đây gọi là “đương Hội” giải đáp.

- Số câu: “Hội thứ chín nêu rõ Nhân Quả xứng hợp với Tánh”: Tức là, đã chứng đắc pháp giới thì khác với tám Hội trước. Tám Hội trước chỉ biện minh đối với Tín, cùng Giải(lãnh hội) Hành (Hành trì).

- Số từ câu: “Bốn xứ, Bốn Hội gồm có ba trăm mười câu hỏi” tiếp xuống: Là tóm kết xác nhận về số lượng câu hỏi.

- Số câu: “Câu hỏi nơi hai Hội đầu, về Quả thì rộng, về Nhân thì lược, làm thành Tín, Giải”: Tức Hội thứ nhất có bốn mươi câu hỏi, hai mươi câu đầu là hỏi về Quả, mười câu tiếp theo là hỏi chung về Nhân, Quả. Chỉ có mười câu sau là hỏi về Nhân. Cho nên gọi là “Nhân thì tóm lược”.

Hội thứ hai có bốn mươi câu hỏi, thì chỉ có câu hỏi thứ hai mươi hỏi về Nhân. Còn hơn ba mươi câu đều hỏi về Quả. Cho nên nói là: “Quả thì rộng.” Hội thứ nhất vì thành tựu Tín, nên nêu Quả để khiến tin tưởng. Hội thứ hai vì thành tựu Giải, do tướng của Quả khó nhận biết nên phải nêu bày rộng.

- Số câu: “Câu hỏi của Hội thứ chín hoàn toàn giống với Hội đầu,

mà Nhân nêu lên là Nhân của Phật chủ”: Mười Nhân trong ấy đều gọi là “Tất cả Bồ tát”, tức là chung cho phần còn lại. Mười Nhân trong Pháp giới chỉ gọi là “Hiện bày Như-Lai nơi thời xa xưa, tâm hướng cầu đạt Nhất Thiết Trí, và thời xa xưa, đã phát khởi đại nguyện của Bồ tát”, nên là Nhân của Phật chủ.

Nói:” Nêu rõ Nhân là Nhân của Quả”: Tức giải-thích, xác nhận về nghĩa nơi Nhân của Phật chủ, nghĩa là Nhân đạt được Phật đã trọn vẹn, chẳng phải là Nhân của Bồ tát đang tu tập. Đây là Nhân, Quả đã chứng nhập.

- Số câu: “Kết hợp, cùng đối chiếu nên thành chín câu” Chín câu là:

- Một: Thưa thỉnh bằng lời, đáp lại bằng lời.
- Hai: Thưa thỉnh bằng lời, đáp lại bằng hiện tướng.
- Ba: Thưa thỉnh bằng niệm, đáp lại bằng lời.
- Bốn: Thưa thỉnh bằng niệm, đáp lại bằng hiện tướng.
- Năm: Thưa thỉnh bằng lời, đáp lại bằng lời và hiện tướng.
- Sáu: Thưa thỉnh bằng niệm, đáp lại bằng lời và hiện tướng.
- Bảy: Thưa thỉnh bằng niệm, bằng lời, đáp lại bằng lời.
- Tám: Thưa thỉnh bằng lời, niệm, đáp lại bằng hiện tướng.
- Chín: Thưa thỉnh bằng lời, niệm, đáp lại bằng lời, hiện tướng.

Bốn câu đầu dùng đơn đối chiếu với đơn. Hai câu tiếp theo, dùng đơn để hỏi, đối với lời đáp là kép (Phức). Hai câu bảy, tám, dùng kép để hỏi, đối với lời đáp là đơn. Một câu sau dùng hỏi kép, đáp kép. Nay, Hội chính thức tương ứng là Hội thứ chín. Hội thứ hai tức là câu thứ sáu. Hội thứ tám tức là câu thứ nhất. Hội thứ chín tức là câu thứ tư.

- Số câu: “Môn thứ năm là nghi vấn về Quyền, Thật”: (Để tiện việc theo dõi, xin được nhắc lại một số điểm nơi bản Sở giải: Bàn về “nghi thức thuyết pháp” gồm hai Phẩm hai, ba (Như-Lai hiện tướng và Phổ Hiền Tam muội), tương ứng với phần phương tiện, nên phân làm hai:

- Phẩm Như-Lai hiện tướng: Là phương tiện xa.
- Phẩm Phổ Hiền Tam muội: Là phương tiện gần.
- Phẩm trên (Như-Lai hiện tướng) phân làm sáu phần:
 - Một: Vô số chúng hội cùng thưa thỉnh.
 - Hai: Hào quang là nhân-duyên triệu tập.
 - Ba: Đối-tượng được triệu tập tụ hội.
 - Bốn: Hiện điềm lành biểu thị cho sự nêu bày.
 - Năm: Xưng tán đức của Phật .

- Sáu: Tóm kết thông hợp đến vô cùng.

Trong phần một, dùng năm môn để phân biệt chỗ khác nhau về sự thừa hỏi nơi các Hội. Năm môn là:

- Một: Phần có hỏi, không hỏi.
- Hai: Pháp của đối-tượng được hỏi, khác nhau.
- Ba: Người của chủ thể hỏi, khác nhau.
- Bốn: Nghi thức hỏi chẳng đồng.
- Năm: Nghi vấn về Quyền Thật).

Trở lại với môn thứ năm: “Nghi vấn về Quyền Thật” Văn nơi bản Sở giải chia làm ba phần:

- Một: Nêu dẫn.

- Hai: Từ câu: “Có ý kiến cho rằng” tiếp xuống: Là trình bày ý kiến đã có từ trước.

- Ba: Từ câu: “Nhưng trong Kinh này” tiếp xuống: Là bàn rộng về nghĩa chính thức. Chẳng phải là bài xích về Quyền, Thật vì chẳng tương ứng với Lý, mà chỉ là xác nhận tính chất duyên khởi, nên có khác với người đi trước.

Nói: “Sự việc ấy vốn là như thế”, tức là trong Pháp giới, pháp như thế luôn có cái nghi ấy cùng với lời đáp.

Nói: “Hải ẩn tức là hiện bày”, tức thì nghĩa là nghi vấn cùng với lời giải đáp đều là Phật hiện bày. Do hai nghĩa nêu trên, nên nghi và lời đáp đều là thường, cũng giống như hình tượng với hình mẫu. Mượn dụ để làm rõ về nghĩa. Dùng hình mẫu để dụ cho nghi. Dùng hình tượng để dụ cho lời đáp. Hình tượng nhân nơi hình mẫu mà có. Lời đáp nhờ nơi nghi mà thành.

- Sở câu: “Đều mong cầu đạt đến cảnh giới của Phật.”: Là thâu tóm chung về ba điều nêu trên. “Đều mong cầu đạt cảnh giới của Phật”, tức là Nghi về Thật đã nêu trên. “Cùng nhằm lợi sinh”, tức là nghi về Quyền “Xác nhận lý duyên khởi” tức là nghĩa chính thức. Cho nên luận Nhập Đại Thừa, phần kệ thứ nhất có đoạn:

*“Người phước đức mong
Chẳng thể sinh nghi
Người dấy khởi nghi
Át phá các hữu.”*

- Sở câu: “ Hai là thế nào... trở xuống: Là chính thức hiển bày về đầu mối của câu hỏi”: Văn nơi bản Sở giải gồm hai:

- Một: Nhận xét.

- Hai: Từ câu:” Theo nghĩa nơi hai văn” tiếp xuống: Là phân biệt,

nhưng có hai lớp:

Thứ nhất: Nêu rõ tính chất tóm lược, bổ sung.

Thứ hai: Biện giải về Nhân, Quả.

Trong phần thứ nhất cũng có hai:

- Một là, chính thức biện minh.

- Hai là, từ câu: “Nên trong phần kệ tiếp dưới” tiếp xuống: Là dùng nghĩa để thành lập. Dẫn hai văn để chứng minh.

Thứ nhất là dẫn kệ: Trong phần nêu rõ về câu hỏi đã trình bày đủ.

Thứ hai là dẫn Hội sau: Trong phần trưng dẫn của Hội sau thì giống với phần thưa thỉnh ở đây. Còn phần thưa thỉnh nơi hội sau thì đồng với chỗ nêu dẫn ở đây.

Hai văn đối đãi nhau thì sự nêu dẫn thẳng như thế đều hợp với bốn mươi câu hỏi, ý nghĩa rõ ràng.

Nói: “Chính là muốn hiển bày nơi đạo của chư Phật.”: Là nhằm tóm kết xác nhận về nghĩa nêu trên. Đã nêu dẫn, thưa hỏi đều gồm đủ bốn mươi câu, nêu rõ đạo ấy là đồng với Phật đạo. Đã đồng thì biết lý do văn đã tóm lược bổ sung. Nếu hỏi về hai cách xu thế bày tỏ ấy, thì thưa thỉnh là do tôn quý Phật chủ, còn nêu dẫn là nhằm làm rõ chỗ đồng của đạo.

- Sơ từ câu: “Lại, trong bốn mươi câu hỏi, thì hai mươi câu đầu là hỏi về Quả.” tiếp xuống: Là phần hai, nhận định phân biệt về Nhân Quả. Phần này gồm ba:

- Một: chính thức biện minh.

- Hai: Từ câu: “Trước là đối-tượng được tìm cầu” tiếp xuống: Là chỉ rõ về ba ý (đối-tượng được tìm cầu, hành trì và nhận biết).

- Ba: Từ câu: “Phân là nêu rõ về Quả” tiếp xuống: Là thông tỏ về chỗ vướng mắc. Có hai vướng mắc:

Thứ nhất, đối với trên đã nói Nhân là đối-tượng được hành trì, thì lý hợp ở trước chẳng ? Nên ở đây đáp: Phân ra là nêu rõ về Quả, nên trước là hỏi về Quả.

Thứ hai, từ câu: “Căn cứ vào nghĩa giống nhau này” tiếp xuống: Là đối với phần văn để nêu vấn nạn. Nghĩa đã có hai phần thì sao chẳng phân làm ba ? Do nghĩa theo văn nên chỉ phân làm hai. Trong hai đoạn đều có chỗ tóm kết.

- Sơ câu: “Nên ba sự ấy, hợp thì có thể làm một v.v...”: có thể làm một nên Ẩn mất. Có thể chia làm ba nên hiện ra. Văn ở đây, trong phần “chẳng thể thâm giữ” thâm nhiếp về tự tại và thân thông. Trong

phẩm Pháp giới lại dùng tự tại thâm nhiếp về thân thông và “chẳng thể thâm giữ” cũng hợp với có thân thông thâm nhiếp “chẳng thể thâm giữ” cùng với tự tại. Trong câu hỏi đã lược không nên nhưng nơi phần kinh còn lại thì có.

- Số từ câu: “Gọi là Phật địa” tiếp xuống: Là nói về quả vị Phật.

Văn nơi bản Sở giải có bốn:

- Một: Nêu về thể.

- Hai: Biện giải về Loại.

- Ba: Giải-thích tên gọi.

- Bốn: Tóm kết, chỉ rõ.

Một: Nói “Tức Trí đức”: chính là nêu về Thể. Chẳng phải là Đoạn đức.

Nói: “Phần vị” tức là làm sáng tỏ nghĩa về địa (Quả vị).

- Số Từ câu: “Tuy nhiên, tông chỉ của Kinh này” tiếp xuống: Là phần hai, biện giải về Loại. Từ rộng đến hẹp có năm lớp:

Thứ nhất: Vô lượng pháp giới chung thông.

Thứ hai: Từ câu: “Lược có mười thứ” tiếp xuống là hiển bày tính chất vô tận.

Thứ ba: Câu: “Nhưng không thể ra ngoài năm pháp” là nhấn mạnh, ghi rõ về Thể thật.

Nói: “Đầy đủ như Kinh Phật Địa” tức là năm pháp (Pháp giới thanh tịnh và bốn trí) thâm tóm tánh của Đại giác, tức Nhất chân pháp giới và bốn Trí Bồ đề. Lại như Luận, phần thứ nhất giải-thích về Phật địa, viết: “Địa nghĩa là chỗ nương tựa, hành hóa, thâm tóm, tức tương ứng với chỗ nói về Pháp giới thanh tịnh. Bốn trí: Đại viên cảnh, Bình đẳng tánh, Diệu quan sát và Thành sở tác, mọi thọ dụng đều hòa hợp thành một vị. Là chỗ nương dựa, hành hóa, dung nhiếp của Phật, nên gọi là Phật địa”.

- Số từ câu: “Nhưng chính yếu là chỉ có hai” tiếp xuống: Là lớp thứ tư, thâm tóm năm pháp làm hai. Trong năm pháp thì bốn pháp là Trí. Kinh Kim Quang Minh có đoạn: “Chỉ có Như như cùng Trí Như như là riêng tồn tại, gọi là Pháp thân.”

- Số câu: “Dung thông mà không hai”: Là lớp thứ năm, dung nhiếp hai làm một. Nghĩa là không có Như ở ngoài Trí, là đối-tượng được chứng đắc của Trí. Cũng không có Trí ở ngoài Như, là chủ thể chứng đắc nơi Như. Cho nên gọi là “Dung thông không hai.”

Lại nữa, “Dung thông không hai” là dung hợp chung cả năm Tiết, là Như-Lai địa không còn chướng ngại.

- Số câu: “Đều có công năng phát sinh, thành tựu, an trụ giữ vững nên gọi là địa.”: Là phần ba, giải-thích tên gọi. Có ba nghĩa:

- Một: Có khả năng sinh ra muôn đức.

- Hai: Dem lại sự thành tựu trọn vẹn cho mình, người .

- Ba: Giữ vững lấy muôn đức. Là chỗ nương tựa, an trụ của muôn đức. Như phần sau, trong phẩm thập Địa sẽ biện minh.

- Số từ câu: “Câu này là thấu tóm, bao gồm chung” tiếp xuống: Là phần bốn, tóm kết, chỉ rõ. Tóm kết, chỉ rõ là chung. Duy trì chung các đức cùng chỉ rõ phần văn giải đáp.

- Số câu: “Hai là cảnh giới của Phật tiếp xuống: các câu đều biện minh riêng về đức của Phật địa.”: Văn nơi bản Số giải phân làm ba:

- Một: Đối nơi chung làm rõ cái riêng.

- Hai: Từ câu: “Gọi là cảnh giới” tiếp xuống: Là nhắc lại tên gọi để biện giải về Thế.

- Ba: Từ câu: “Rộng cũng là vô lượng” tiếp xuống: Là dựa theo loại để chia, hợp.

Cũng có năm ý (một ý tổng quát và bốn ý nơi bốn phẩm): Xuất Hiện, Bất tư nghị, Vấn Minh và Ly Thế Gian).

- Một: Rộng vô lượng nên không một cảnh giới nào không là cảnh giới của Phật .

- Hai: Từ câu: “Lược có mười thứ” tiếp xuống: Là nhờ vào tính chất viên mãn để nói về mười. Phần này gồm hai:

Thứ nhất: chính thức nêu bày về ba xuất xứ nói về mười thứ.

Thứ hai: Từ câu: “Phẩm Xuất Hiện phần nhiều biện minh về thể biến hiện khắp.” Tiếp xuống: Là phân biệt về chỗ chẳng đồng nơi ba xuất xứ.

Tức là về Phẩm Xuất Hiện, thuộc quyển năm mươi hai nói:

“Phật tử! Bồ tát dùng trí tuệ không chướng ngại để nhận biết tất cả cảnh giới của thế-gian là cảnh giới của Như-Lai. Cho nên biết tất cả cảnh giới của ba đời, tất cả cảnh giới quốc độ, tất cả cảnh giới pháp, tất cả cảnh giới chúng sanh, cảnh giới chân như không sai biệt, cảnh giới hư không, không phân lượng cảnh giới của cảnh giới không đều là cảnh giới của Như Lai. Nay Phật tử! Như tất cả cảnh giới thế gian vô lượng, thì cảnh giới Như Lai cũng vô lượng, cảnh giới của ba đời vô lượng thì cảnh giới Như Lai cũng vô lượng. Cho đến như cảnh giới của cảnh giới “không” là vô lượng, cảnh giới của Như-Lai cũng vô lượng. Như cảnh giới của cảnh giới “không”, tất cả xứ không có, cảnh giới của Như-Lai cũng như thế, tất cả đều không có.”

Giải thích: Đây tức là nêu rõ nghĩa “Thể biến hiện khắp.”

Nói: “Phần nhiều biện minh”: Tức tất cả xứ không có, cũng nhằm hiển bày nghĩa thâm diệu.

Nói:” Phẩm Bất Tư Nghị đã biện giải về tính chất siêu việt thù thắng”. Tức nơi Kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ bốn sáu, đó là:

- Một: Tất cả chư Phật một lần ngồi kiết già, biến hiện đầy khắp vô lượng thế giới trong mười phương.

- Hai: Tất cả chư Phật nêu giảng một thứ câu nghĩa, đều có thể khai thị hết thấy pháp Phật.

- Ba: Tất cả chư Phật phóng ra một thứ hào quang, đều có thể soi chiếu khắp hết thấy thế giới.

- Bốn: Tất cả chư Phật ở trong một thân, đều có thể thị hiện hết thấy các thân.

- Năm: Tất cả chư Phật ở trong một xứ, đều có thể thị hiện hết thấy mọi thế giới.

- Sáu: Tất cả chư Phật ở trong một Trí, đều có thể quyết đoán về hết thấy mọi pháp, không chút trở ngại.

- Bảy: Hết thấy chư Phật, ở trong một niệm đều có thể đến khắp mười phương thế giới.

- Tám: Hết thấy chư Phật, ở trong một niệm, đều hiện bày vô lượng uy đức của Như-Lai.

- Chín: Hết thấy chư Phật, ở trong một niệm, duyên hợp khắp chư Phật trong ba đời và chúng-sanh, tâm không tạp loạn.

- Mười: Hết thấy chư Phật, ở trong một niệm, cùng với ba đời tất cả chư Phật đồng một thể không hai.”

Giải-thích: Chỉ trong một niệm đã có thể tạo được vô tận các sự việc, nên gọi là thù thắng, siêu việt.

Nói: “Phẩm Vấn Minh bao quát cả Nhân Quả Thể Dụng”: Tức nơi quyển thứ mười ba, nêu mười một câu hỏi:

Một: Những gì là cảnh giới của Phật?

Hai: Những gì là Nhân nơi cảnh giới của Phật?

Ba: Những gì là dung lượng...?

Bốn: Những gì là Nhập...?

Năm: Những gì là Trí... ?

Sáu: Những gì là Pháp...?

Bảy: Những gì là thuyết giảng...?

Tám: Những gì là Trì...?

Chín: Những gì là chứng...?

Mười: Những gì là hiện...?

Mười một: Những gì là rộng...?

Câu hỏi một là về tổng quát. Câu hai là hỏi về Nhân. Các câu hỏi về chứng, tri, rộng là hỏi về Thể. Năm câu còn lại là hỏi về dụng. Trong phần kệ đáp lại, nêu rõ:

*“Cảnh giới Như-Lai sâu
Dụng lượng như hư không
Tất cả chúng sanh vào
Mà thật không chốn nhập.”*

Đây là cùng đáp về cả hai câu tổng quát và rộng.

Lại nói:

*“Cảnh giới Như-Lai sâu
Mọi nhân thắng diệu có
Ức kiếp luôn nêu bày
Cũng chẳng thể hết được.”*

Đây là đáp về nhân. Các phần còn lại như nơi văn của Kinh.

Ba xuất xứ nêu trên tuy cùng nói về cảnh giới của Phật nhưng về ý nêu bày thì có một ít sai khác. Cho nên viết là: “Có một ít không giống nhau”. Nghĩa là:

- “Phật tức là cảnh giới”, theo tính chất “thâu tóm, dung thông” mà nói, tức chỗ thành tựu của Như-Lai như tất cả công đức, trí tuệ là sở hữu của Phật. Như cảnh giới của một nước là thuộc về vua đương vị của nước ấy, nhưng Bồ tát chẳng thể lường tính, chỉ có Phật mới đạt được .

Nói: “Cảnh giới của Phật”: Tức Chân như, Thật tế, Chân đế, Dục đế là cảnh giới sở duyên của Trí, nên gọi là đối-tượng được quán xét là chúng-sanh, quốc độ, là cảnh giới thuộc đối-tượng được giác hóa của Phật từ bi. Gọi là đối-tượng được hóa độ, quán xét, lược có mười thứ. Ở đây gồm hai đoạn:

- Một: Tức Kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ bốn mươi sáu, đoạn nói về mười thứ, vì chúng-sanh mà làm Phật sự.

Một: Hết thấy chư Phật đã thị hiện sắc thân, vì chúng-sanh làm Phật sự.

Hai: Phát ra âm thanh vi diệu.

Ba: Có đối tượng thọ nhận.

Bốn: Không có đối tượng thọ nhận.

Năm: Dùng địa thủy hỏa phong.

Sáu: thân lực tự tại, thị hiện tất cả cảnh giới được duyên hợp.

Bảy: Đủ các loại danh hiệu.

Tám: Dùng cảnh giới của cõi Phật .

Chín: Làm nghiêm tịnh cõi Phật .

Mười: Vắng lặng , vô ngôn.

(Chín câu trên, đều như câu một: phần đầu có câu: “Hết thủy chư Phật”, và phần sau có câu: “Vì chúng-sanh mà làm Phật sự”). Nêu phần tiếp dưới chia làm ba loại, ba là “Gia hộ hàng phi tình làm Phật sự.”

- Hai, tức là nơi kinh quyển thứ bốn mươi bảy, đoạn nói về mười thứ pháp đại Na-la-diên tràng dũng kiện. Văn nơi bản Số giải kết luận:” Nay, ở đây, gia trì tức là thân lực cùng với địa Pháp Vân. Tức mười thứ “Trì”. Kinh nói: “Lại nữa, cần nhận biết như thật về sự nhiếp trì của Phật là: Nhiếp trì Pháp, nhiếp trì Tăng, Nghiệp, Phiền não, Thời, Nguyên, Cúng dường, Hạnh, Kiếp, Trí. Các Trì như thế đều phải nhận biết đúng như thật.”

- Về phẩm Ly thế-gian, tức nơi quyển thứ năm mươi tám. Kinh nói: Có mười điều được Phật nhiếp trì.

- Một: Đầu tiên, có thể phát tâm Bồ đề, là chỗ được Phật nhiếp trì.

- Hai: Ở trong các đời luôn giữ vững tâm Bồ đề khiến không quên mất.

- Ba: biết rõ các “Ma sự” nên thấy đều xa lìa.

- Bốn: Nghe các pháp Ba-la-mật, đúng như lời nói mà tu hành.

- Năm: Rõ nỗi khổ nơi sanh tử, nhưng không chán ghét.

- Sáu: Quán xét pháp hết mực thâm diệu, đạt được vô lượng quả.

- Bảy: Vì các chúng-sanh giảng nói về pháp Nhị thừa, mà không thủ chứng sự giải thoát nơi hai thừa ấy.

- Tám: Ưa thích quán pháp vô vi mà không trụ trong ấy, đối với pháp hữu vi, vô vi không dấy hai tướng.

- Chín: Đạt đến chốn vô sinh mà thị hiện thọ sinh.

- Mười: Tuy chứng đắc Nhất thiết Trí mà luôn khởi hạnh Bồ tát, không làm dứt mất chủng tánh Bồ tát.

Câu: “Một là như gia trì về hóa thân cùng xá lợi”: Như loại này thì rất nhiều. Nghĩa là hóa hiện nhiều thân, tùy theo chỗ ưa thích, được thấy sắc thân qua xá lợi, một lần phát tâm cúng dường thì ngàn lượt được sinh vào cõi Trời. Xá lợi toàn thân thì như Phật Đa Bảo. Tức là Thân Lực Trì của Như-Lai. Như nơi Phẩm Xuất Hiện, có thí dụ về “y vương đã lưu lại sắc thân của mình ở đời”.

- Câu: “Hai là, như gia hộ cho Kỳ Bà đi vào lửa mà không bị thiêu đốt”. Tức nơi kinh đại Bát Niết-Bàn quyển thứ ba mươi (Nam bản là quyển thứ hai tám). Kinh thuật lại trường hợp ông trưởng giả ở thành Chiêm Bà giàu có, muôn con nối dõi, thờ đấng Lục sư ngoại đạo, nhờ người bạn thân khuyên giải, chỉ dẫn, đã tìm tới Phật. Đoạn cuối, Kinh nói: “Đức Như-Lai biết rõ sự việc, liền đi tới khu gò mả. Ông trưởng giả trách cứ Phật: “Lời nói ra trước sau như một mới đáng gọi là bậc Thế Tôn. Nay người mẹ đã mạng chung, làm sao sanh được con?” Như-Lai đã nói với ông trưởng giả: “Lúc ấy ông hoàn toàn không hỏi về thọ mạng của người mẹ dài hay ngắn mà chỉ hỏi về đứa con sẽ sinh ra là nam hay nữ! Chư Phật Như-Lai nói ra lời trước sau là một. Vì thế nên biết nhất định là có người con”. Bấy giờ thân của người mẹ chết (vì uống phải thuốc độc của đấng ngoại đạo) được hỏa thiêu, bụng nứt, đứa con từ nơi ấy hiện ra, ngồi ngay ngắn trong ngọn lửa cháy bừng, cũng như chim uyên ương đậu trên ao hoa sen. Lúc này Như-Lai bảo Kỳ Bà: “Ông hãy đi vào chỗ ngọn lửa kia ẵm đứa bé ra đây!” Đấng lục sư ngăn chặn. Kỳ Bà nói: “Như-Lai khiến tôi đi vào địa ngục A Tỳ, lửa dữ cháy bừng, hãy còn chẳng thể thiêu đốt, huống hồ là lửa nơi thế-gian.” Khi ấy Kỳ Bà liền đi vào chỗ đống lửa như thể đi vào ao nước lớn, trong lành mát mẻ, bồng đứa bé kia rồi trở ra chỗ đức Phật, trao đứa bé cho Như-Lai. Như-Lai đã có được đứa bé, bèn nói với ông Trưởng giả: “Thọ mạng của tất cả chúng-sanh chẳng chắc chắn như bọt nổi trên mặt nước. Chúng-sanh nếu có những quả báo từ nghiệp sâu nặng thì lửa chẳng có thể thiêu đốt, điều độc xấu cũng chẳng thể hại. Nghiệp báo của đứa bé này chẳng phải do Như-Lai tạo ra...” Ông trưởng giả xin đức Phật đặt tên cho đứa bé, Phật nói: “Đứa bé này sinh từ trong ngọn lửa dữ. Lửa gọi là Thọ Đề, nên đặt tên cho bé là Thọ Đề. “Bấy giờ trong đống đông người được trông thấy sự thần hóa của Như-Lai, nên có vô số phát tâm cầu đạo quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.” Vì thế, nơi bản Sở giải đã viết: “Như gia hộ cho Kỳ Bà đi vào lửa”. Tức câu: “đi vào chỗ lửa cháy” gồm luôn cả hai sự việc. Một là như vừa nêu bày ở trên. Hai là như lời Kỳ Bà đã nói: “Phật khiến đi vào địa ngục A Tỳ, lửa dữ dội như thế còn chẳng thể thiêu đốt”, tức lại có một duyên cố nữa, là sự việc khấn đi vào địa ngục để thăm Đề bà-đạt-đa.

- Sở câu: “Bốn là đối-tượng được hành hóa, là chỗ tạo tác của Phật.” Văn nơi bản Sở giải có ba:

- 1) Chánh thức giải-thích tên gọi.
- 2) Biện giải về loại.

3) Phân biệt để tránh sự lẫn lộn.

- Số từ câu: “Hoặc nói mười thứ” tiếp xuống: Là phần hai, biện giải về loại. Phần này gồm hai:

- Một là, căn cứ nơi hành hóa để giải-thích.

- Hai là, căn cứ nơi đối-tượng được hành hóa để giải-thích.

- Về “Mười thứ hóa hiện luôn đúng thời”, tức nơi kinh, quyển thứ bốn mươi sáu, kinh nói: Phật tử ! Chư Phật Thế Tôn có mười thứ hóa hiện luôn đúng thời, đó là:

Một: Tất cả chư Phật thành tựu bậc chánh đẳng giác luôn đúng thời.

Hai: Thành thực cho chúng sanh có duyên luôn đúng thời

Ba: Thọ ký cho các Bồ tát.

Bốn: Tùy theo tâm của chúng-sanh, thị hiện thân lực.

Năm: Tùy chỗ lãnh hội của chúng-sanh, thị hiện thân Phật

Sáu: an trụ nơi đại xả.

Bảy: Đi vào các làng xóm

Tám: Nhiếp phục các chúng-sanh có lòng tin thanh tịnh.

Chín: Điều phục các chúng-sanh xấu ác.

Mười: hiện bày các thần thông chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật.

Chín câu trên, phần đầu đều có đoạn “Tất cả chư Phật”, phần sau đều có đoạn:”đều luôn đúng thời”.

- Số câu: “Cũng là hành trì của đối-tượng được hành hóa”: Là phần hai, căn cứ nơi đối-tượng được hành hóa để giải-thích. Phần này gồm hai:

Một là: Dẫn văn.

Hai là: Từ câu: “Hoặc dùng tâm đại bi thân nhiếp chúng-sanh”: Là giải-thích về loại.

- Dẫn văn: Câu: “Tức là Hành vô ngại là Hành của Như-Lai v.v...”, là nơi kinh quyển thứ năm mươi hai. Kinh nói: “Phật tử ! Bồ tát Ma-ha-tát, nên làm thế nào để biết về nẻo hành hóa của Như-Lai Ứng chánh Đẳng giác? Phật tử! Bồ tát Ma-ha-tát nên biết, hành vô ngại là Hành của Như-Lai; nên biết hành của chân như là hành của Như-Lai. Phật tử ! Như chân như phần trước chẳng sinh, phần sau chẳng động, hiện tại chẳng khởi. Hành hóa của Như-Lai cũng thế: chẳng sinh, chẳng động, chẳng khởi.” Đoạn kinh tiếp theo, nêu rõ trường hợp chim bay nơi hư không, trước sau không có ranh giới, để so sánh với hành của chân như; trường hợp chim cánh vàng quạt làm rẽ nước biển, để dụ cho Hành vô ngại. Diễn giải rộng như đoạn tiếp theo nói.

- Sở từ câu: “Hoặc dùng đại bi nhiếp phục chúng-sanh”: Là phần hai, nêu giải-thích, cũng là xác nhận nghĩa ở trên. “Dùng đại bi nhiếp phục chúng-sanh”, tức là “Hành vô ngại”. “Hoặc dùng đại trí để tạo duyên” tức là “Hành của chân như.” “Dứt mọi tư duy, thành tựu sự việc” là xác nhận hai nghĩa nêu trên. Cũng là bao quát chung cả đối-tượng được duyên hợp.

- Sở từ câu: “Căn cứ theo người để đối chiếu với hành” tiếp xuống: Là phần ba, phân biệt để tránh sự lẫn lộn. Do Kinh nêu: “Đối-tượng được hành hóa của Như-Lai sung mãn khắp mọi cảnh giới, là chỗ hành của bi, trí.” Ở đây, trước là chính thức phân biệt, sau là dẫn chứng. Tức, Phật là chủ thể hành hóa, những thực hành của bi, trí là đối-tượng được hành hóa. Chẳng phải như nơi Cảnh giới, Bi, Trí là chủ thể hành hóa; chân như, chúng-sanh là đối-tượng được hành hóa. Cho nên viết là: “Căn cứ nơi người để đối chiếu với hành để giải-thích, gọi là đối-tượng được hành hóa.”

- Sở câu: “Huống chi chỗ đối chiếu không giống nhau”: Tức hành nêu trên là chung cả chủ thể, đối-tượng. Còn cảnh giới thì chỉ giới hạn nơi đối-tượng, nên đã là chẳng giống nhau. Ví như cùng dùng bi, trí để hành hóa, thì căn cứ nơi đối-tượng được hành hóa, là do dùng cảnh giới của bi, trí. Còn căn cứ nơi chủ thể hành hóa thì chỉ dùng bi trí. Như người, so với con thì gọi là cha, so với cha thì gọi là con. Một người mà hai công dụng, há cùng lẫn lộn!

- Sở từ câu: “Nếu dựa theo luận Du Già” tiếp xuống: Là phần sau, dẫn chứng. Dẫn chứng để giải-thích về hai tướng chẳng cùng giống nhau. Về Kinh thì chính là quyển thứ năm, “năm giới” hoàn toàn giống với luận Du Già. Tuy nhiên, luận Du Già ở đây toàn là Kinh Giải Thâm Mật để biện luận. Nay, nêu dẫn luận Du Già để dẫn kinh, là nhằm nêu dẫn cả kinh và luận.

- Sở câu: “Nghĩa là diệu lực rộng lớn, như Phẩm Bất Tư Nghị Pháp đã nêu”: Tức nơi kinh, quyển thứ bốn mươi bảy. Kinh nói: “Phật tử ! Chư Phật, Thế Tôn có mười thứ Lực, đó là:

- Lực rộng lớn.
- Lực đối thượng.
- Lực vô lượng.
- Lực đại uy đức.
- Lực khó đạt đến .
- Lực không thối chuyển.
- Lực kiên cố.

Lực chẳng thể hủy hoại.

Lực tất cả thế-gian chẳng thể nghi bàn.

Lực tất cả chúng-sanh chẳng thể lay động.

Lại có mười pháp đại Na-la-diên-tràng dừng kiện. Những gì là mười? Đó là hết thấy chư Phật, thân tướng chẳng thể bị hủy hoại là một. Mười lực nêu trên biến hiện khắp nơi mười thứ pháp dừng kiện, diễn rộng như nơi văn của kinh. Nay lược nêu ra tên gọi:

Một: Lực về thân mạng chẳng thể bị hủy hoại.

Hai: Lực về lỗ chân lông có thể dung nhiếp, giữ gìn.

Ba: Lực về đầu sợi lông có thể giữ lấy núi lớn.

Bốn: Lực về diệu dụng nơi định luôn tự tại.

Năm: Lực về việc luôn diễn giảng khắp các pháp.

Sáu: Lực về đức tướng hàng phục các Ma.

Bảy: Lực về âm thanh viên mãn, thấu triệt khắp.

Tám: Lực về tâm không chướng ngại.

Chín: Lực về Pháp thân vi diệu, mầu nhiệm.

Mười: Lực gồm đủ mọi Hạnh, Trí.

Trong mỗi mỗi lực có nhiều nghĩa. Lý sẽ được nêu đủ nơi phần văn tiếp dưới.

- Sơ câu: “Phẩm Ly Thế-gian nói có mười thứ vô úy”: Tức nơi Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ năm mươi sáu. Kinh nói: Phật tử ! Bồ tát Ma-ha-tát có mười thứ vô úy. Những gì là mười? Văn nơi kinh diễn giải rộng, nay chỉ nêu dẫn về nghĩa. Đó là:

Một: Vô úy trong sự nghe hiểu, nhiếp trì.

Hai: Vô úy trong chỗ biện tài.

Hai loại trên là chẳng sợ hãi không thể đáp lại vấn nạn.

Ba: Vô úy về hai không. Đây là chẳng sợ hãi đối với vọng niệm.

Bốn: Vô úy về uy nghi không thiếu sót.

Năm: Vô úy về ba nghiệp không lầm lỗi.

Hai thứ vô úy bốn, năm là chẳng sợ hãi về sự chê trách từ bên ngoài.

Sáu: Vô úy về sự hộ vệ bên ngoài. Đây là chẳng sợ hãi đối với thiên ma, ngoại đạo.

Bảy: Vô úy về chánh niệm. Đây là chẳng sợ về sự quên sót.

Tám: Vô úy về phương tiện. Tức chẳng sợ hãi về sanh tử.

Chín: Vô úy về Nhứt thiết Trí. Tức chẳng sợ về hai Thừa.

Mười: Vô úy về đầy đủ mọi Hạnh. Tức chẳng sợ hãi về việc không thể hóa sinh được.

- Số câu: “Hoặc nói bốn thứ”: Tức nơi Phẩm Thập Tạng đã biện giải, đó là:

Một: Vô úy về Nhất Thiết Trí.

Hai: Vô úy về dứt sạch các lậu.

Ba: Vô úy về việc ra khỏi nẻo chướng ngại.

Bốn: Vô úy về việc ra khỏi cõi khổ.

- Số câu: “Chưa hẳn hoàn toàn là như thế”: Tức chẳng phải là không chấp nhận kiến giải của người đi trước, mà chỉ nhằm hiển bày về nghĩa bao hàm.

- Số câu: “Như pháp Tam muội Sư Tử Tần Thân v.v...”: Tức phần sau của quyển thứ sáu mươi một, Kinh Hoa Nghiêm, lược nêu ra một trăm môn. Môn thứ nhất có tên là pháp Tam muội Phổ Trang Nghiêm pháp giới; thứ hai là Tam muội Phổ chiếu Nhất Thiết Tam Thế vô ngại cảnh giới. Pháp sau cùng gọi là Tam muội Sư Tử Tần Thân. Phần kết viết: “Dùng số lượng pháp Tam muội nhiều như số hạt bụi trong số cõi Phật nhiều chẳng thể nói hết, hội nhập vào biển Tam muội đại thần biến niệm niệm sung mãn tất cả pháp giới của Như-Lai Tỳ Lô Giá Na.”

- Số câu: “Lược nói mười thứ, như Phẩm Bát Tư Nghị nói Phật có vô lượng pháp Tam muội chẳng thể nghĩ bàn”: tức nơi Kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ bốn mươi bảy. Kinh nói:

Một: Tất cả chư Phật thường ở nơi chánh định, trong một niệm, biến hiện nơi hết thảy mọi xứ, khắp vì muôn loài chúng-sanh giảng nói rộng về diệu pháp.

Hai: Khắp vì muôn loài chúng-sanh giảng nói về lãnh vực vô ngã.

Ba: Hội nhập khắp cả ba đời.

Bốn: Hội nhập khắp cõi Phật rộng lớn trong mười phương.

Năm: Hiện bày khắp vô lượng các loại thân Phật.

Sáu: Tùy theo đủ các loại tâm lãnh hội của đủ các loài chúng-sanh mà hiện bày thân ngữ ý.

Bảy: Thuyết giảng về lãnh vực chân thật của tất cả pháp lìa dục.

Tám: Diễn nói về tự tánh duyên khởi của tất cả các pháp.

Chín: Thị hiện vô lượng cõi trang nghiêm rộng lớn nơi thế-gian và xuất thế-gian, khiến cho các chúng-sanh luôn được thấy Phật .

Mười: Khiến cho các chúng-sanh đều được thông tỏ về tất cả pháp Phật với vô lượng giải thoát, cứu cánh đạt đến bờ giải thoát vô thượng.

Từ câu 2-10, mỗi câu đều có phần: “Tất cả chư Phật thường ở nơi

Tam muội, trong một niệm, biến hiện khắp các xứ...”

- Số câu: “Hoặc nói có mười thứ thần thông như nơi Phẩm Thập Thông”: Mười thứ thần thông là:

Một: thần thông với trí thấu hiểu tâm ý kẻ khác.

Hai: thần thông với trí có mắt trời.

Ba: thần thông với trí nhận biết về mọi đời sống thuộc kiếp quá khứ.

Bốn: thần thông với Trí thấu tỏ tận cùng số kiếp đời vị lai.

Năm: thần thông với Trí có tai trời thanh tịnh, vô ngại.

Sáu: thần thông với Trí không thể tánh, không động tác, đi đến tất cả cõi Phật .

Bảy: thần thông với Trí phân biệt tất cả mọi thứ ngôn từ.

Tám: thần thông với Trí hiện bày vô số sắc thân.

Chín: thần thông với Trí thấu đạt hết thảy các pháp .

Mười: thần thông với Trí hội nhập hết thảy pháp Tam muội Diệt tận.

Diễn rộng như văn nơi kinh.

- Số câu: “Phẩm Bất Tư Nghị nói: Tất cả chư Phật có vô ngại giải thoát không bến bờ biên vực, thị hiện vô lượng diệu lực nơi đại thần thông.” Văn nơi bản Số giải đã nêu dẫn về nghĩa nơi kinh văn. Một câu: “Giải thoát vô ngại” là lặp lại lời kinh. “Thị hiện vô lượng diệu lực nơi đại thần thông” là hiển bày sự giải thoát ấy là giải thoát của thần thông. Như Kinh Tịnh Danh nói về pháp giải thoát “Bất Tư Nghị”, có thể đem núi Tu di đặt vào bên trong ruột hạt cải, kinh nói về mười thứ:

Một: Hết thảy chư Phật đều có thể ở nơi một vi trần, hiện bày số lượng chư Phật nhiều chẳng thể nói hết, chẳng thể nêu bày hết, xuất hiện nơi thế-gian.

Hai: chuyển pháp luân thanh tịnh.

Ba: Điều phục các hành chúng-sanh thọ nhận sự hóa độ.

Bốn: quốc độ của chư Phật .

Năm: Thọ ký cho các Bồ tát.

Bốn câu trên (câu 2-5) phần đầu đều có: “Hết thảy chư Phật đều có thể ở dưới một vi trần, hiện bày chẳng thể nói hết, chẳng thể nêu bày hết”, như nơi câu một. Năm câu sau thì không có phần “chẳng thể nói hết, chẳng thể nêu bày hết”, phần còn lại thì giống với các câu trước.

Sáu: Hiện bày tất cả chư Phật trong ba đời.

Bảy: Hiện bày các loại thế giới trong ba đời.

Tám: Hiện bày tất cả các thần thông nơi ba đời.

Chín: Hiện bày tất cả chúng-sanh trong ba đời.

Mười: Hiện bày tất cả mọi Phật sự trong ba đời.

Giải-thích: Đã có thể ở nơi một vi trần hiện bày tức thì, tức rõ là diệu lực của thần thông lớn lao.

- Số câu: “Mười thông chỉ giới hạn nơi Bồ tát”: Muốn phát sinh sáu thứ thần thông nêu sau, là chung cho hai Thừa. Sáu thứ ấy là: Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha Lâm, Túc Trụ, thần Cảnh và Lưu Tận.

- Số câu: “Rộng thì có vô lượng”: Là trải qua mọi sự biện minh riêng.

- Số câu: “Hoặc nói có trăm thứ”: Tức nơi kinh, quyển thứ năm mươi sáu, phần đầu nêu ra mười môn, nói: “Bồ tát Ma-ha-tát có mười thứ diệu dụng vô ngại. Những gì là mười? Đó là:

Một: Diệu dụng vô ngại về chúng-sanh.

Hai: Diệu dụng vô ngại về quốc độ.

Ba: Pháp

Bốn: Thân

Năm: Nguyên

Sáu: Cảnh giới

Bảy: Trí

Tám: thần thông

Chín: thần lực

Mười: Lực.

(Từ loại 3-10 đều có câu: “diệu dụng vô ngại về”). Chín loại sau đều có giải-thích, mỗi mỗi thứ đều có mười môn nên thành ra một trăm.

- Số câu: “Lực có mười thứ, nghĩa là Mạng tự tại v.v...”: Tức là phần cuối quyển thứ năm mươi sáu, Kinh Hoa Nghiêm nói: “Phật tử! Bồ tát Ma-ha-tát có mười thứ tự tại, đó là:

Mạng tự tại: Tức số lượng kiếp trụ thọ mạng là chẳng thể nói hết.

Tâm tự tại: Tức trí tuệ có thể hội nhập vào vô số các pháp Tam muội.

Đồ dùng tự tại: Tức có thể dùng vô lượng thứ trang nghiêm để trang nghiêm tất cả thế giới.

Nghiệp tự tại: Là tùy theo thời thọ nhận phước báo.

Thọ sinh tự tại: Tức ở nơi tất cả thế giới thị hiện việc thọ sinh.

Giải tự tại: Tức ở nơi tất cả thế giới đều thấy Phật hiện đủ khắp.

Nguyện tự tại: Tùy ở chỗ mong muốn, tùy theo thời, ở trong các cõi, thành bậc đẳng Chánh giác.

Thần lực tự tại: Tức thị hiện mọi sự thần biến lớn lao.

Pháp tự tại: Tức thị hiện vô biên các pháp môn.

Trí tự tại: Tức ở trong niệm niệm, thị hiện mười lực, các pháp vô úy của Như-Lai, thành tựu đạo quả Chánh giác.

Nếu các Bồ tát Ma-ha-tát an trụ nơi các pháp ấy, thì đạt được tất cả pháp Ba-la-mật trí tuệ thần lực, Bồ đề tự tại của chư Phật một cách viên mãn.”

- Số câu: “Phẩm Bất Tư Nghị cũng nói có mười thứ”: Tức nơi Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ bốn mươi sáu, có đoạn: “Những gì là mười ? Đó là hết thấy chư Phật, ở nơi tất cả các pháp đều được tự tại, thấu tỏ vô số các cú thân, vị thân, diễn nói các pháp với biện tài vô ngại, là pháp tự tại thứ nhất của chư Phật.” Phần tiếp theo xin tóm lược lấy ý. Câu vừa nêu trên là Pháp tự tại.

Hai: Tâm tự tại

Ba: Thắng giải tự tại

Bốn: Tài sản tự tại

Năm: Thọ mạng tự tại

Sáu: Như ý tự tại

Bảy: Trí tự tại

Tám: Nghiệp tự tại

Chín: Thọ sanh tự tại

Mười: Nguyện tự tại.

Rõ ràng là hai đoạn kinh nêu dẫn trên hoàn toàn giống với tám địa.

- Số câu: “Mười là tính chất không thể thấu tóm, giữ lấy”: Văn bản nơi Sở giải gồm hai:

Một: giải-thích tên gọi.

Hai: Từ câu: “Lược có mười thứ” tiếp xuống: Là biện giải về loại.

Phần hai này được chia làm hai:

Một là dựa nơi Tấn kinh (Kinh Hoa Nghiêm, bản dịch vào đời Đông Tấn, gồm sáu mươi quyển) giải-thích về pháp Tối Thắng của Phật.

- Số câu: “Như nơi Phẩm Bất Tư Nghị nói chư Phật có mười pháp tối thắng”: Tức nơi quyển thứ bốn mươi sáu. Đây là thuận theo Tấn kinh, nói về pháp tối thắng của Phật nên nêu dẫn văn nơi kinh kia. Kinh viết: Đó là: Một: Tất cả chư Phật với đại nguyện kiên cố chẳng thể bị hủy hoại, lời giảng nói trước sau là một. Hai: Vì nhằm làm viên mãn tất

cả các công đức, tận cùng kiếp vị lai tu tập hạnh Bồ tát không sinh chán mệt. Ba: Vì muốn điều phục tất cả chúng sanh nên đi đến thế giới nhiều không thể nói Không thể nói, như thế mà vì tất cả chúng sinh để điều phục không hề đoạn tuyệt. Bốn: Thực hiện tâm Đại bi quan sát khắp tất cả chúng sinh tin hoặc chê Phật pháp, một cách bình đẳng không khác. Năm: Từ sơ phát tâm cho đến khi thành Phật quyết không thoái chuyển mất tâm Bồ đề. Sáu: Hồi hướng vô lượng các công đức thiện đã tích tập cho hết thấy chúng sinh. Bảy: Tu học ba nghiệp theo nơi chư Phật, chỉ hành hạnh Phật, không hành hạnh nhị thừa, thấy đều hồi hướng về Nhất thiết trí tánh, thành tựu quả vô thượng Bồ đề. Tám: Phóng ánh sáng lớn chiếu soi tất cả xứ và tất cả pháp của chư Phật một cách bình đẳng, làm cho tâm các Bồ tát được thanh tịnh, viên mãn Nhất thiết trí. Chín: Xả lìa niềm vui thế gian, không tham, không nhiễm mà nguyện khắp cho thế gian lìa khổ được vui, không các hý luận. Mười: Thương xót đối với các chúng-sanh thọ vô số các nỗi khổ, nên giữ gìn lấy “hạt giống Phật”, hành hóa nơi cảnh giới Phật ra khỏi sinh tử, đạt được quả địa mười Lực...”

Nơi mỗi câu phần đầu đều có “tất cả chư Phật...”, giống như câu một.

- Số câu: “Nếu chọn lấy nghĩa không thể hủy hoại”: Là phần hai tức dựa nơi kinh hiện tại để giải-thích, về mười pháp đại dũng kiện. Văn ở trước đã nêu dẫn. Tức về nghĩa có hai chỗ gồm chung.

- Số câu: “Phần nhiều ở nơi Phẩm Bất Tư Nghị Pháp v.v...”: chữ vân vân là nói cũng có Phẩm Ly thế-gian, nên dùng chữ “phần nhiều”.

- Số câu: “Phẩm Bất Tư Nghị Pháp nói chư Phật, Thế Tôn có mười thứ pháp, biến hiện khắp vô lượng vô biên thế giới”: Tức nơi kinh, quyển thứ bốn mươi sáu. Kinh viết: “Những gì là mười”? Đó là:

Một: Tất cả chư Phật có thân sắc tướng thanh tịnh không giới hạn, hội nhập khắp các cõi mà không đắm nhiễm.

Hai: có mắt không chướng ngại, ở nơi hết thấy các pháp thấy đều nhận thấy rõ ràng.

Ba: có tai không chướng ngại, đều có thể thấu tỏ hết thấy mọi thứ âm thanh.

Bốn: Mũi có thể đạt đến mùi vị của bờ giác kia của chư Phật một cách tự tại.

Năm: Có tướng lưỡi rộng dài, xuất âm thanh vi diệu biến khắp pháp giới.

Sáu: Thân ứng hiện khắp chúng sinh đều được thấy.

Bảy: Ý trụ ở pháp thân bình đẳng vô ngại.

Tám: Vô ngại giải thoát thị hiện lực thần thông lớn vô tận.

Chín: Thế giới thanh tịnh tùy chúng sinh của thích, hiện ra các cõi Phật có đầy đủ vô lượng các loại trang nghiêm, mà ở trong đó không sanh nhiễm đấm.

Mười: Hành nguyện của Bồ tát, đạt được Trí viên mãn, diệu dụng tự tại, đều có thể thông đạt hết thảy pháp Phật.

Phật tử ! Đó là mười thứ Phật pháp không có giới hạn biến hiện khắp vô lượng vô biên thế giới của bậc Như-Lai ứng chánh Đẳng giác. Nơi mỗi mỗi câu phần đầu đều có lời: “Tất cả chư Phật có không giới hạn...” chỉ nơi câu thứ năm nói về lười thì không có “không giới hạn”, mà dùng hai chữ “dài rộng” thay thế.

- Sơ câu: “Phẩm Ly thế-gian mỗi mỗi đều dùng mười môn để giải-thích, biện luận”: Tức nơi Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ năm mươi bảy, nói về mười thứ mắt, mười thứ tai v.v... Mười thứ mắt là:

Một: Mắt thị

Hai: Mắt trời

Ba: Mắt tuệ

Bốn: Mắt pháp

Năm: Mắt Phật

Sáu: Mắt Trí

Bảy: Mắt quang minh

Tám: Mắt ra khỏi sinh tử

Chín: Mắt vô ngại

Mười: Mắt Nhất Thiết Trí.

Về mười thứ tai, mười thứ mũi v.v... diễn rộng như nơi văn của kinh. Tuy nhiên, những thứ kia là mắt v.v... của Bồ tát, mà phần tiếp theo đều kết luận: “Tức đạt được mắt Phật”, nên là chung cả Nhân, Quả, có thể giải thích là mắt Phật.

- Sơ câu: “Phẩm Xuất Hiện nói về ba nghiệp của Phật đều gồm đủ mười nghĩa”: Tức về thân thì nêu ở quyển thứ năm mươi, ngữ, ý thì nêu ở quyển thứ năm mươi một, mỗi thứ đều có đủ mười nghĩa, đều dùng mười thí dụ để dụ.

- Sơ câu: “Hào quang vi diệu thường hằng, chẳng thể nói hết v.v...”, tức nơi kinh, quyển thứ bốn mươi sáu, trong phần nói về mười thứ trang nghiêm, thì loại trang nghiêm thứ bảy có đoạn: “Hết thảy chư Phật đều có vô lượng hào quang thường hằng vi diệu với vô số sắc

tướng chẳng thể nói hết, chẳng thể nêu bày hết, dùng để trang nghiêm thêm tươi đẹp, là kho tàng ánh sáng, làm phát sinh vô lượng hào quang viên mãn, soi chiếu khắp mười phương không bị chướng ngại. Đó là loại trang nghiêm thứ bảy của chư Phật tức hào quang thường hằng vi diệu, tối thắng, vô thượng.”

- Sở từ câu: “Nhưng phóng quang thì có lúc không phóng ra” tiếp xuống: Là nhằm thông tỏ chỗ vấn nạn. Tức sợ có người nêu vấn nạn: “Như hào quang thường có là một Tầm, tức cùng với việc phóng quang là khác nhau. Nay nói hào quang thường có tỏa khắp pháp giới. Vậy sao gọi là khác với phóng quang?” Nên ở đây, vì điểm này mà cần được thông suốt.

- Sở từ câu: “Nhưng cần phân biệt rõ” tiếp xuống: cũng là nhằm thông tỏ chỗ vướng mắc do vấn nạn: “Nghĩa là ở trên đã thông tỏ việc phóng quang khác với hào quang thường có, tức phóng quang thì có lúc không phóng ra. Nay nêu dẫn Phẩm Tướng Hải nói về hào quang thường có và phóng quang. Thế thì có gì khác nhau?” Nên cũng cần được thông suốt.

- Sở câu: “Về Trí của Phật, rộng tức là vô lượng v.v...”. Thuận theo tính chất vô biên của sự nên lược nói có mười thứ. Tức nơi Phẩm Xuất Hiện, thuộc quyển thứ năm mươi mốt, trong phần nêu rõ về ý nghiệp có câu: “Tâm, ý, thức của Như-Lai đều chẳng thể nhận biết, chỉ có thể dùng Trí vô lượng mới biết được Tâm của Như-Lai.” Là nói có mười Trí, mười dụ.

- Sở câu: “Thế không ra ngoài năm pháp”: Tức như Luận Nhiếp Đại-thừa, Luận Phật địa, đều cho năm pháp thâu tóm Tánh của bậc Đại giác. Tức một là “Nhất Chân Pháp Giới” cùng “Bốn Trí Bồ đề”, thì một là Lý, chẳng phải là Trí. Nay nói Trí thanh tịnh tức là “Nhất chân pháp giới, thì Trí thanh tịnh tức là Tánh của Trí xưa nay. Luận Kim Cang đánh Du Già, nói có năm thứ Trí: Một là Trí pháp giới thanh tịnh, tức là Nhất chân pháp giới.”

- Sở câu: “Biện minh chung về pháp giới với đối-tượng là An lập hải”: ở đây có ba lối giải-thích:

Một: Tức là ý nơi bản Sở giải. Mà nói: “Biện minh chung”. Nghĩa là: “Thế giới hải” là chỉ căn cứ nơi Quả mà nói, còn “Pháp giới An lập hải” thì chung cả Nhân, Quả. Do khởi đầy đủ nhân-duyên nên có thể an lập pháp giới.

Hai: Câu: “Nếu theo tính chất nhân-duyên”, đại sư Hiền Thủ nói: “Đối-tượng được giáo hóa là chúng-sanh, giáo pháp lại là một

nghĩa” tức chỉ chọn lấy pháp của việc giáo hóa chúng-sanh.

Ba: Từ câu: “Cũng là hai nghĩa nêu trước” tiếp xuống: Là nghĩa thứ ba. An lập thế giới của chúng-sanh. Cho nên hai nghĩa trước tức là thế giới hải cùng chúng-sanh hải. Ở đây, trước là chính thức nêu rõ, sau là nói về an lập.

Từ câu: “Nhưng chữ an lập” tiếp xuống: Là dẫn Phạm văn để làm sáng tỏ. Đây là sự dẫn chứng của đại sư Hiền Thủ. Hai nghĩa sau “Pháp thức”, tức là pháp hóa độ chúng-sanh. An lập là nghĩa thứ ba nên tóm kết cho rằng: “Tức là pháp thức An lập.”

Câu: “Bốn là Phật Hải, nêu rõ nơi Phẩm Bất Tư Nghì v.v...” thì chữ vân vân là chỉ cho các Phẩm Tướng Hải, Tùy Hảo, đều nói về tướng, dụng nơi đức của Phật, là bậc Diệu Giác.

Câu: “Năm là Ba-la-mật hải nêu rõ nơi Phẩm Ly thế-gian”: Dùng hai ngàn pháp thành trì, mỗi mỗi đều đạt đến bờ giải thoát.

Câu: “Sáu là Phật giải thoát Hải, như nơi Phẩm pháp giới”: Tức Phật chứng nhập giải thoát là mọi chương ngại, cùng mọi tác dụng lớn đều là giải thoát.

Câu: “Bảy là Phật biến hóa hải, nêu rõ nơi Phẩm A-tăng-kỳ”: Phần kệ tụng nơi Phẩm A-tăng-kỳ đã hiển bày rộng về đức của Phật là trùng trùng vô tận, diệu dụng lớn rộng. Chữ vân vân là chỉ nơi một kinh trước sau đều có văn nói biến hóa mà nói.

- Số từ câu: “Hỏi, nhân nơi đức sâu rộng” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm hai:

- Một: chính thức giải-thích kinh.

- Hai: Từ câu: “Nhưng ở đây, mười câu có chung có riêng” tiếp xuống: Là nhận định, phân biệt. Phần này gồm ba:

Thứ nhất: Nêu lên.

Thứ hai: Giải-thích

Thứ ba: Tóm kết.

- Số từ câu: “Riêng thì câu một, hai là dựa nơi mười tín” tiếp xuống: Là giải-thích về phần riêng, tức các quả vị có cạn có sâu.

Nói: “Đây là căn cứ theo chiều ngang (không gian) để bàn về tất cả các Bồ tát”. Là tóm kết về nghĩa riêng đã nêu trên.

Căn cứ nơi quả vị của đối-tượng được hành trì thì Tín, Trụ cùng khác, tức là luận theo chiều dọc (thời gian). Còn căn cứ nơi người của chủ thể hành trì thì trong mỗi mỗi quả vị thâm nhiếp nhiều Bồ tát. Cho nên viết: “theo chiều ngang để bàn về tất cả Bồ tát.”

- Số từ câu: “Nếu dựa nơi cái chung mà nói” tiếp xuống: Là phần

hai, giải-thích về cái chung. Căn cứ nơi pháp của đối-tượng được hành hóa thì nơi vị vị cùng tu, tức là nghĩa chung. Căn cứ theo một người trải qua khắp các quả vị đều tu tập mười pháp ấy. Tức là theo chiều dọc để luận về hết thấy các Bồ tát.

- Số câu: “Cho nên mười câu ấy văn chung cả Hành, Vị”: Là phần ba, tóm kết về cả hai. Tức nói về cái riêng thì nương nơi vị (quả vị), nêu bày về cái chung thì căn cứ nơi Hành.

- Số Từ câu: “Văn của bốn mươi câu đáp” tiếp xuống: Là đối nơi câu hỏi để giải đáp. Ở đây gồm hai phần:

Một: Nêu dẫn.

Hai: Từ câu: “Chung tức là các Hội” tiếp xuống: Là giải-thích về Tướng. Trước là giải-thích về phần chung, sau là giải-thích về riêng. Trong phần giải-thích về cái chung gồm hai:

Một: giải-thích về tướng chung.

Hai: giải-thích về cả chung, riêng.

Nơi phần một (giải-thích về tướng chung), văn có bốn chi tiết:

Thứ nhất, chính thức nêu rõ về cái chung, tức là chín Hội cùng đáp chung.

Thứ hai, từ câu: “Nghĩa là các thứ “Hải” nêu ở trước” tiếp xuống: Là xác lập Lý. Ở đây có ba Lý: Một là, các thứ Hải luôn tùy thuận, nên đã chung cho chín Hội và phần hỏi đáp đều thông hợp; Hai là, từ câu: “Há lại?” Tiếp xuống: Là nói “Các thứ Hải” trí tuệ sâu xa nên có thể hỏi về chỗ tận cùng; Ba là: Từ câu: “Cho nên biết Hội thứ nhất là chung” tiếp xuống: Là tổng hợp về câu hỏi. Do ba Lý này mà hỏi đáp thông hợp.

Thứ ba: Từ câu: “Nhưng vì phần” tiếp xuống là giải-thích chỗ vướng mắc. Tức là, nêu câu hỏi về phần trước: Nếu nói “các thứ Hải” đã hỏi đủ cả chín Hội, thì chín Hội cùng đáp. Vậy sao phần văn tiếp theo lại có ba bậc nêu câu hỏi rộng lớn ?” Nên ở đây cần thông tỏ.

- Số câu: “Tức hiển bày trong từng phần đều chung cả Nhân, Quả.” Nghĩa là, câu hỏi tuy có rộng, lược, nhưng Nhân, Quả đều gồm đủ, tức là nêu câu hỏi trở lại.

Thứ bốn, từ câu: “Tức từ đây đến Phẩm Quang Minh Giác” tiếp xuống: Là chính thức chỉ rõ phần văn giải đáp.

- Số từ câu: “Lại nữa, dựa theo bốn mươi câu hỏi” tiếp xuống: Là phần hai. Căn cứ nơi cả chung riêng để giải-thích. Mười Hải là chung. Ba mươi câu hỏi còn lại là riêng, đều là chỗ thâm tóm của mười Hải. (Hải: Biển, chỉ cho tính chất vô lượng, vô số. Mười Hải là: Thế giới Hải,

chúng-sanh Hải, Pháp giới an lập Hải, Phật Hải, Ba-la-mật Hải, Phật giải thoát Hải, Phật biến hóa Hải, Phật diễn thuyết Hải, Phật danh hiệu Hải, Phật Thọ lượng Hải). Cho nên đáp chung về mười Hải là đã đáp ba mươi câu hỏi còn lại. Phần này gồm hai:

Một: chính thức dùng chín Hội để đáp nơi mười Hải.

Hai: Từ câu: "Trong câu hỏi, về thứ lớp" tiếp xuống: Là dùng phần đáp đối chiếu với câu hỏi để biện giải về chỗ thứ lớp ấy không giống nhau. Trong phần hỏi nói: "Trước có thế giới chúng-sanh": Tức là trong chỗ nêu lên gốc có ba Hải. Thế giới tức là Thế giới Hải, cùng thâu tóm cả An lập Hải. Chúng-sanh là chúng-sanh Hải.

Tiếp theo nói: "Tức có Phật xuất hiện, tu Nhân đắc Quả.": Tức trong phần nêu lên, nói về việc hóa độ kẻ khác.

- Sở từ câu: "Trong phần đáp, trước là người, sau là mình" tiếp xuống: Là trước nói về lợi tha.

Nói: "Bốn Hải là dụng lớn": Tức nói rõ lợi tha là trước hết. Bốn Hải là: Danh hiệu Hải, Tứ đế Hải, Biến hóa Hải, Thọ lượng Hải.

Nói: "Tự lợi hai Hải ở nơi sau": Tức Ba-la-mật Hải là Nhân, Phật giải thoát Hải là Quả. Hai Hội tám, chín đều đáp nên là ở nơi sau. Trong đây chỉ gặp sáu Hải, không gặp bốn Hải. Bốn Hải không gặp ở đây là: Do thế giới Hải cùng an lập Hải đã dựa nơi câu hỏi ở trước. Phật Hải cùng chúng-sanh Hải gốc ở nơi phần giữa.

- Sở từ câu: "Lại, một Hải là chúng-sanh" tiếp xuống: Là lại dùng một môn khác để giải-thích về chúng-sanh Hải.

Ở trên là muốn gồm thâu đủ mười câu hỏi, nên đáp về Nhân là thuộc về chúng-sanh Hải. Nay cho chúng-sanh là chung, tức ở trước đáp nhân là thuộc về Diễn thuyết Hải, là giảng nói về các quả vị.

Đã nói về phần chung xong.

- Sở từ câu: "Nếu căn cứ ở nơi cái riêng mà nói" tiếp xuống: Là phần hai, giải-thích cái riêng để đáp câu hỏi.

- Nói: "Kinh truyền lại chưa tận cùng": Tức như phần sau của Phẩm Tỳ Lô Giá Na không có kết thúc. Nếu có đầy đủ thì lời đáp sẽ tận cùng.

- Câu: "Hai là, đáp về hai phần và phần gồm chung còn lại": Tức là chính thức đáp về An lập Hải và thế giới Hải, gồm chung ba mươi tám câu hỏi còn lại.

- Sở câu: "Cũng biểu thị thân, khẩu là vật cúng dường": Tức Hòa thượng Giải thoát tán dương Phật qua bài kệ:

"Chấp tay dùng làm Hoa

*Thân là vật cúng dường
 Tâm thiện, hương thành thật
 Tán thán, hương xông khắp
 Chư Phật cảm hương này
 Tìm âm thanh cùng độ
 Chúng con dốc tinh tấn
 Trước sau luôn thông tỏ.”*

- Số câu: “Nếu biện minh riêng, theo như văn mà suy xét”: Những loại như thế hiển bày về nghĩa là vô hạn. Loại nêu ra, đối chiếu, nếu giống nhau thì có thể dẫn chứng.

- Số câu: “Diện môn tức là miệng”: Tức là từ trước đã có lời giải-thích: “Diện môn tức là phần dung mạo chính của mặt, chẳng phải là miệng kia.” Lại nói: “Từ mũi trở xuống, từ miệng trở lên.”, do tiếng Phạm gọi mặt và miệng cùng là môn, đều gọi là “Mục Khu”. Do đó dịch giải khi giải-thích về con người thì dùng văn chẳng đồng nhất. Nay cho khoảng giữa của các răng tức là miệng, là sự giải-thích khẳng định.

- Nói: “Biểu thị cho bốn mươi câu hỏi”, tức có bốn mươi cái răng.

- Nói: “Giáo, đạo xa rộng” tức là ánh sáng nơi trí tuệ của giáo pháp nên từ miệng sinh ra con đích thật, và chỉ chọn lấy nghĩa về miệng. Kinh Pháp Hoa có đoạn: “Từ nơi miệng Phật sinh ra, từ nơi Pháp hóa sinh, nên đạt được phần Pháp của Phật.” Nên phần sau của Phẩm Xuất Hiện đã có thêm trường hợp hào quang nơi Bồ tát Phổ Hiền nhập vào miệng.

- Từ câu: “Miệng nuốt lấy pháp vị” tiếp xuống: Là căn cứ nơi Răng để làm rõ nghĩa.

- Nói: “Xứ chung”, tức miệng là nơi chốn thuyết pháp, tất cả các pháp môn đều từ nơi đó mà được diễn giảng.

- Số câu: “Nêu chung về mười tôn hiệu”: Là nêu về mười tôn hiệu của Phật .

- Số câu: “Thành Chánh Biến Tri”: Lý không nghiêng về tà, gọi là Chánh. Không pháp nào là không soi sáng, gọi là Biến Tri. Tức là tôn hiệu nói về Thật Trí thấu đạt tận cùng mọi nguồn ngọn.

- Nói: “Là Minh Hạnh Túc”: Minh là Hành của sự chứng đắc. Hạnh là Hành của giáo pháp. Hai Hành đều viên mãn, gọi là Minh Hạnh Túc. Tức là tôn hiệu nói về sự tu hành viên mãn.

- Nói : “Thế-gian giải”: Là thấu hiểu rõ về thế-gian, tức tôn hiệu

nói về Quyển Trí sáng tỏ, tròn đầy.

- Nói : “Có thể gọi là Thiện Thệ”: Thiện là tốt đẹp. Thệ là đi đến. Nghĩa là không hướng tới hai thừa, ba cõi để đi đến mà chỉ hướng, đi tới quả đại Bồ đề. Tức là tôn hiệu nói về việc đi thẳng tới Bồ đề.

- Nói : “Tức là nghĩa Phật”: Phật là giác ngộ, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, nên gọi là Phật. Do điều ấy nên được cả Trời, người cùng tôn quý, nên gọi là Thế Tôn. Tức là tôn hiệu nói về việc tự giác ngộ, không thầy chỉ dạy.

- Nói: “Nghĩa là Vô Thượng Sĩ”: Sĩ là sĩ phu, có khắp nơi các bậc Thánh. Ở trong các Thánh, lại không gì có thể vượt hơn, nên gọi là Vô Thượng Sĩ. Tức Tôn Hiệu nói về quả vị siêu vượt các Thánh.

- Nói: “Điều ngự Trượng Phu”: Điều là tập luyện, uốn nắn. Ngự là chế ngự, nên gọi là điều ngự. Tức tôn hiệu nói về sự nhiếp phục mọi chúng-sanh.

- Nói : “Thiên Nhân Sư”: Sư tức là phép tắc, mẫu mực. Giảng nói về giáo pháp nơi năm Thừa, đem lại lợi ích cho chúng-sanh. Tức Tôn Hiệu nói về sự dẫn dắt chúng-sanh theo phép tắc, mẫu mực.

- Nói : “Ứng Cúng”: Nghĩa là đáng được thọ nhận sự cúng dường rộng lớn của Trời, người. Tức tôn hiệu nói về việc xứng đáng làm phước điền cho Trời, người.

- Nói: “Tóm kết là Như-Lai.”: Nhân nơi, hành hóa theo đạo như thật để đi tới thành tựu quả vị chánh giác, nên gọi là Như-Lai. Tức tôn hiệu nói về việc noi theo giống với dấu vết có từ trước.

Đức của Phật là vô biên. Mười Tôn Hiệu lược nêu xong.

Kinh Pháp Hoa, quyển thứ ba có đoạn: “Ta là Như-Lai, Ứng cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế-gian giải, Vô-thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật - Thế Tôn. Ai chưa vượt đến bến bờ thì khiến cho vượt đến. Ai chưa cởi bỏ ràng buộc thì làm cho cởi bỏ. Ai chưa được an ổn thì khiến cho an ổn. Ai chưa đạt tới Niết-Bàn thì khiến cho họ đạt tới. Đời này, đời sau Như-Lai đều biết đúng như sự thật. Như-Lai là người biết tất cả, là người thấy tất cả. Vậy các chúng Trời, người, A-tu-la hãy đến nơi đây để được nghe pháp.” Đây tức là nêu lên mười tôn hiệu để làm sáng rõ. Đầu tiên chỉ nói “Như-Lai cũng lại như vậy. Xuất hiện nơi thế-gian như mây lớn nổi lên, bủa giăng khắp tam thiên đại thiên thế giới.” Tức chung, riêng có khác. Lại, phần sau là chúng hội vân tập, chỉ nói: Trời, người, A-tu-la v.v... tức có chút ít khác nhau về hơn kém. Nay chọn lấy ý kia, nên dùng mười Hiệu để giải-thích nghĩa mười Hiệu nơi kinh. Đến phần nói về Phẩm Pháp Giới

mới biện giải.

- Sở câu: “Đã đến trong chúng hội nên thiếu ba sự của Hải thứ nhất”: Tức một là Quốc độ Hải, hai là Thế giới Hải, và ba là Tên Phật. Chẳng phải là riêng từ nơi kia đến mà ở đây không nói.

